



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT

VPGD: P1206 - Tầng 12, Tòa nhà C37 - T01, Sảnh A, phố Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 0979 293 888 * **Email:** tinhbt.daiviet@gmail.com * **Website:** www.vinaudit.vn

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY
LỢI NINH BÌNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700338398. Đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 07 năm 2011

Vốn điều lệ: 580.630.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Trụ sở chính tại: Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình

Các thành viên của Ban lãnh đạo đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Khang	Giám đốc
	Ông Vũ Tiến Lộc	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Sơn Hà	Phó Giám đốc
	Ông Lê Tuấn Anh	Kế toán trưởng
	Bà Phạm Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Khang - Giám đốc Công ty.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Đại Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

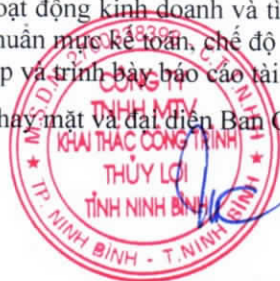
Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 34. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Khang
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2019

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT**

VPGD: P1206 - Tầng 12, Tòa nhà C37 - T01, Sảnh A, phố Tố Hữu, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 0979 293 888 * Email: tinhbt.daiviet@gmail.com * Website: www.vinaudit.vn

Số : 003.2/2019/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**

Ban lãnh đạo

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình, được lập ngày 24 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Tĩnh

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1029-2018-296-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẠI VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Phí Thị Thu Hiền

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2989-2018-296-1

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH
Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh
Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.825.744.587	101.587.715.892
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.644.976.032	38.678.784.197
1. Tiền	111		9.934.473.036	1.053.188.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.710.502.996	37.625.595.557
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	62.840.950.816	53.497.607.944
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		62.840.950.816	53.497.607.944
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.260.661.819	6.819.256.791
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.995.946.670	3.677.002.670
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.158.900.000	1.929.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.105.815.149	1.213.254.121
III- Hàng tồn kho	140	V.6	2.079.155.920	2.563.083.403
1. Hàng tồn kho	141		2.079.155.920	2.563.083.403
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	28.983.557
1. Thuế và các khoản khác phải thu	153	V.10	-	28.983.557
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.036.617.121.029	1.034.350.657.371
I- Tài sản cố định	220		1.003.452.382.529	1.006.950.426.371
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.003.452.382.529	1.006.950.426.371
- Nguyên giá	222		1.391.750.087.706	1.384.419.216.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.297.705.177)	(377.468.790.364)
II- Tài sản dở dang dài hạn	241	V.8	32.793.127.000	26.916.350.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		32.793.127.000	26.916.350.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		371.611.500	483.881.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4	371.611.500	483.881.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.135.442.865.616	1.135.938.373.263

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH
Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh
Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		30.630.243.093	31.825.786.744
I- Nợ ngắn hạn	310		30.396.306.364	31.591.850.015
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	11.376.210.946	12.836.681.283
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.198.439.300	4.635.567.200
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.10	2.107.313.467	1.895.328.993
4. Phải trả người lao động	314		10.355.733.461	9.063.969.541
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.797.430.887	1.665.820.487
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.561.178.303	1.494.482.511
II- Nợ dài hạn	330		233.936.729	233.936.729
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	233.936.729	233.936.729
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.104.812.622.523	1.104.112.586.519
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.13	1.104.812.622.523	1.104.112.586.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.104.812.622.523	1.104.112.586.519
- Cổ phiếu phổ thông có quyền	411a			
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến	421a		(948.535.792)	(142.622.186)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		948.535.792	142.622.186
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.135.442.865.616	1.135.938.373.263



Phạm Thị Na
Người lập biểu



Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Khang
Giám đốc

Ninh Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH
Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh
Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.251.921.901	85.235.417.892
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.251.921.901	85.235.417.892
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.629.670.780	83.307.548.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.622.251.121	1.927.869.139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.559.852.973	4.838.612.813
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.098.535.881	6.893.347.703
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.083.568.213	(126.865.751)
11. Thu nhập khác	31		127.017.807	325.642.727
12. Chi phí khác	32	VI.4	24.916.280	19.479.419
13. Lợi nhuận khác	40		102.101.527	306.163.308
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.185.669.740	179.297.557
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	237.133.948	36.675.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		948.535.792	142.622.186



Phạm Thị Na
Người lập biểu



Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Khang
Giám đốc
Ninh Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.185.669.740	179.297.557
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13.046.573.846	12.934.398.475
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.559.852.973)	(4.838.612.813)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu	08	9.672.390.613	8.275.083.219
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.441.405.028)	3.080.419.762
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	483.927.483	(562.093.508)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải	11	(1.396.002.228)	4.841.408.033
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	112.269.500	(184.100.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.675.371)	(500.300.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	394.504.969	14.950.417.089
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21	(17.663.467.408)	(18.940.325.753)
2. Tiền thu từ TL, bán TSCĐ và các TS DH khác	22	18.644.173	240.386.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	(9.343.342.872)	(28.314.667.433)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	4.559.852.973	4.838.612.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.428.313.134)	(42.175.993.646)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	2.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(20.033.808.165)	(27.225.576.557)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.678.784.197	65.904.360.754
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.644.976.032	38.678.784.197


Phạm Thị Na
Người lập biểu


Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Khang
Giám đốc
Ninh Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700338398. Đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 07 năm 2011

Vốn điều lệ: 580.630.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Trụ sở chính tại: Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là Hoạt động công ích trong lĩnh vực tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh;

3. Ngành nghề kinh doanh.

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. (Dịch vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước cho nông nghiệp và các ngành khác trong ngoài tỉnh).
- Thi công, tu sửa, khảo sát, thiết kế, tư vấn, đầu tư... các công trình thủy lợi và dân dụng.;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, thủy lợi: Tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn xây dựng, quản lý dự án, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công và quản lý các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp; Tư vấn mua sắm, đấu thầu cung cấp các thiết bị, phụ tùng máy bơm, vật tư nông nghiệp).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Thi công, tu sửa thường xuyên và sửa chữa lớn các công trình thủy lợi và dân dụng).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, thủy lợi phí./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm 2018, không có hoạt động nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Lưu ý: Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Hoạt động sản xuất của Công ty phụ thuộc vào thời vụ sản xuất nông nghiệp (Vụ chiêm, vụ mùa, vụ đông), doanh thu chủ yếu từ nguồn thu thủy lợi phí. Do đó báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định hiện hành chưa phản ánh được mối quan hệ giữa doanh thu và chi phí sản xuất để đánh giá, phân tích hoạt động của doanh nghiệp.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con; Không có; Danh sách các công ty liên doanh, liên kết; Không có

6.2. Danh sách các đơn vị trực thuộc: gồm 08 Chi nhánh; 03 Tổ Ấu, Cống:

Chi nhánh Thành phố Ninh Bình

Chi nhánh Thành phố Tam Điệp

Chi nhánh huyện Yên Khánh

Chi nhánh huyện Kim Sơn

Chi nhánh huyện Yên Mô

Chi nhánh huyện Gia Viễn

Chi nhánh huyện Hoa Lư

Chi nhánh huyện Nho Quan

Tổ Ấu Sông Mới - Huyện Yên Khánh

Tổ Ấu Cầu Hội - Huyện Yên Mô

Tổ Cống Hà Thanh - Huyện Yên Mô

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2018 được trình bày mang tính so sánh.

8. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 658 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Chế độ kế toán áp dụng.

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Công ty không phát sinh nội dung này.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
 - Công ty đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hoặc tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả:
 - Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

Công ty không phát sinh nội dung này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
 - Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
 - Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.
 - ⬇ Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
 - ⬇ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

✚ Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

✚ Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao theo đường thẳng, trích dựa trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định; Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC

Tài sản cố định hữu hình

Thời gian sử dụng

Nhà cửa vật kiến trúc

6- 50 năm

Máy móc, thiết bị

3 -15 năm

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6 - 10 năm

Vật dụng quản lý

3 - 10 năm

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Công ty không phát sinh nội dung này.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Bảo hộ lao động;
- Kiểm định thiết bị an toàn vệ sinh lao động;

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các chi phí duy tu, sửa chữa lớn tài sản cố định được trích trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhằm đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Công ty không phát sinh nội dung này.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không phát sinh nội dung này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.
- Theo đăng ký kinh doanh và theo quyết định của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

+ *Vốn khác*: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi được Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên thông qua sẽ được trích các quỹ và được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

▪ Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ;

- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

▪ Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...

- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng.

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phát sinh là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
 - Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế khác
 - Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

26. Nguyên tắc kế toán các bên liên quan.

- Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

27. Nguyên tắc kế toán Báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

28. Nguyên tắc kế toán ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH
Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh
Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	223.022.100	69.725.200
Tiền gửi ngân hàng	9.711.450.936	983.463.440
Các khoản tương đương tiền	8.710.502.996	37.625.595.557
Cộng	18.644.976.032	38.678.784.197

Khoản tương đương tiền là số tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng

2. KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Là khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 3 đến 12 tháng.

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.995.946.670	3.677.002.670
<i>Ngân sách NN cấp SC công trình và khác</i>	6.942.000.000	3.600.000.000
<i>Khác</i>	53.946.670	77.002.670
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Mời xem phần TM Giao dịch với các bên liên quan)	-	-
Cộng	6.995.946.670	3.677.002.670

4. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	-	-
b) Dài hạn	371.611.500	483.881.000
Chi phí trả trước dài hạn khác		
- Chi phí dụng cụ chờ phân bổ		
<i>CCDC xuất dùng; Bảo hộ lao động, Kiểm định</i>	371.611.500	483.881.000
<i>thiết bị an toàn vệ sinh lao động</i>		
Cộng	371.611.500	483.881.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.105.815.149	-	1.213.254.121	-
- <i>Tạm ứng</i>	460.000.000	-	651.500.000	-
Khác	645.815.149	-	561.754.121	-
Cộng	1.105.815.149	-	1.213.254.121	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.967.320.890	-	2.389.340.818	-
Công cụ, dụng cụ	111.835.030	-	173.742.585	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	2.079.155.920	-	2.563.083.403	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư 01/01/2018	1.298.418.376.118	72.312.853.718	12.606.827.114	1.081.159.785	1.384.419.216.735
Tăng trong năm	10.470.757.000	420.179.000	-	-	10.890.936.000
Nhận bàn giao góp vốn					-
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.470.757.000	420.179.000			10.890.936.000
Mua trong năm					-
Giảm trong năm	3.542.442.000	-	17.623.029	-	3.560.065.029
Điều chuyển	3.500.000.000		10.999.000		3.510.999.000
Giảm khác	42.442.000		6.624.029		49.066.029
Số dư 31/12/2018	1.305.346.691.118	72.733.032.718	12.589.204.085	1.081.159.785	1.391.750.087.706
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2018	314.320.457.611	55.956.313.011	6.155.284.257	1.036.735.485	377.468.790.364
Tăng trong năm	8.663.786.107	3.046.485.979	1.327.475.460	8.826.300	13.046.573.846
Khấu hao trong năm	8.663.786.107	3.046.485.979	1.327.475.460	8.826.300	13.046.573.846
Giảm trong năm	2.206.660.033	-	10.999.000	-	2.217.659.033
Giảm do thanh lý nhượng bán	2.206.660.033		10.999.000		2.217.659.033
Số dư 31/12/2018	320.777.583.685	59.002.798.990	7.471.760.717	1.045.561.785	388.297.705.177
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	984.097.918.507	16.356.540.707	6.451.542.857	44.424.300	1.006.950.426.371
Tại ngày 31/12/2018	984.569.107.433	13.730.233.728	5.117.443.368	35.598.000	1.003.452.382.529

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

8. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
b) Xây dựng cơ bản dở dang	32.793.127.000	32.793.127.000	26.916.350.000	26.916.350.000
S/c, kiến cổ hóa kênh Hữu Thưởng		-	2.329.477.000	2.329.477.000
Công trình TB Công Môi	10.311.033.000	10.311.033.000	8.802.280.000	8.802.280.000
Nạo vét, KCH kênh tưới phía tây sông Chắt Thành	7.036.623.000	7.036.623.000	3.409.952.000	3.409.952.000
Nâng cấp TB Chắt Thành	196.685.000	196.685.000	160.795.000	160.795.000
Công trình TB Đàm Khánh	11.503.531.000	11.503.531.000	11.503.531.000	11.503.531.000
Hệ thống tưới TB Sơn Tây	1.461.887.000	1.461.887.000	710.315.000	710.315.000
Nâng cấp TB Lạc Hiền	60.841.000	60.841.000	-	-
KCH kênh tưới phía bắc TB Liễu Trờng	74.313.000	74.313.000	-	-
Nâng cấp TB Mả Nhồi	2.148.214.000	2.148.214.000	-	-
Cộng	32.793.127.000	32.793.127.000	26.916.350.000	26.916.350.000

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2018 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2018 VND
a) Phải nộp (chỉ tiết theo từng loại thuế)				
Thuế giá trị gia tăng	11.525.897	16.574.325	5.048.428	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.814.948	237.133.948	36.675.371	72.356.371
Thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế PNN	-	208.630.089	208.630.089	-
Các loại thuế khác	1.822.972.622			1.822.972.622
Cộng	2.107.313.467	462.338.362	250.353.888	1.895.328.993
b) Phải thu (chỉ tiết theo từng loại thuế)				
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	-	10.158.557		10.158.557
Thuế nhà đất và tiền thuê đất, thuế PNN	-	18.825.000		18.825.000
Cộng	-	28.983.557	-	28.983.557

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.797.430.887	1.665.820.487
<i>Kinh phí thu hồi theo kết luận của UBKT</i>	1.140.691.987	990.691.987
<i>Phòng Đầu tư XD CB</i>	170.803.500	201.973.500
<i>BQL Dự án Nâng cấp Hồ Đập Trồi</i>	154.790.000	154.790.000
<i>Công ty TNHH Định giá và Kiểm toán SPT</i>	117.289.000	95.132.000
<i>Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Đại Việt</i>	90.023.000	-
<i>Cửa hàng Hồng ắt</i>	46.120.000	-
<i>Giải phóng mặt bằng đền đầy (TB Khánh Công)</i>	32.413.000	32.413.000
<i>UBND xã Phú Long - Hồ Đá Lài</i>	13.524.000	33.790.400
<i>Khác</i>	31.776.400	157.029.600
Cộng	1.797.430.887	1.665.820.487

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	1.104.112.586.519	-	1.104.112.586.519
Tăng vốn trong năm nay	2.000.000.000		2.000.000.000
Lãi trong năm nay		948.535.792	948.535.792
Phân phối	(1.299.963.996)	(948.535.792)	(2.248.499.788)
Số dư tại 31/12/2018	1.104.812.622.523	-	1.104.812.622.523

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà Nước	1.104.812.622.523	1.104.112.586.519
Vốn góp của đối tượng khác		
Cộng	1.104.812.622.523	1.104.112.586.519

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	1.104.112.586.519	1.104.112.586.519
Vốn góp tăng trong năm	2.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	1.299.963.996	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	1.104.812.622.523	1.104.112.586.519
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý: 7.378.188.049 đồng

Xử lý nợ nợ đọng thủy lợi phí và lỗ do nguyên nhân khách quan từ 31/12/2007 về trước theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 14/10/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc xóa nợ đọng thủy lợi phí từ ngày 31/12/2007 về trước cho Công ty KTCTTL tỉnh Ninh Bình.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	89.162.527.900	85.126.797.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.394.001	108.620.092
Cộng	89.251.921.901	85.235.417.892

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.629.670.780	83.307.548.753
Cộng	85.629.670.780	83.307.548.753

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.559.852.973	4.838.612.813
Cộng	4.559.852.973	4.838.612.813

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNHSố 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)****4. THU NHẬP KHÁC - CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản khác	127.017.807	325.642.727
Cộng	127.017.807	325.642.727
Chi phí khác		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Khác	24.916.280	19.479.419
Cộng	24.916.280	19.479.419

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>7.098.535.881</i>	<i>6.893.347.703</i>
Chi phí nhân viên	4.334.623.708	4.202.486.263
Chi phí vật liệu bao bì	47.195.000	50.660.000
Chi phí Khấu hao TSCĐ	624.542.300	624.168.000
Thuế, phí và lệ phí	225.975.373	225.975.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	733.859.884	660.034.567
Chi phí bằng tiền khác	1.132.339.616	1.130.023.500
Cộng	7.098.535.881	6.893.347.703

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)**6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	237.133.948	36.675.371
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	237.133.948	36.675.371

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.089.795.907	17.881.064.793
Chi phí nhân công	49.620.727.446	45.404.533.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.046.573.846	12.934.398.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.003.169.918	11.112.064.832
Chi phí khác bằng tiền	2.967.939.544	2.868.835.090
Cộng	92.728.206.661	90.200.896.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

2. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty đã thận trọng nhận định rằng không tồn tại các sự kiện không có trong kế hoạch hoặc chưa được dự tính, dẫn đến khả năng có thể thu được lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp để trình bày phần thuyết minh Báo cáo tài chính là một tài sản tiềm tàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

3. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất về ngành nghề kinh doanh chính theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh. Đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính tại Việt Nam nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty xác định lại là không trình bày báo cáo theo bộ phận tại báo cáo này.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC THỦY LỢI NINH BÌNH

Số 2, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường
Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****5. TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY****TỔNG HỢP MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY**

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Bố trí cơ cấu TS và cơ cấu vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu TS			
	TS dài hạn/Tổng TS	%	91%	91%
	TS ngắn hạn/Tổng TS	%	9%	9%
1.2	Bố trí cơ cấu NV			
	Nợ phải trả/Tổng NV	%	3%	3%
	Nguồn vốn CSH/Tổng NV	%	97%	97%
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	3,23	3,19
2.2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3,13	3,13
2.3	Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,61	1,22
3	Tỷ suất sinh lời			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu			
	Tỷ suất LN trước thuế/DT	Lần	0,01328	0,00210
	Tỷ suất LN sau thuế/DT	Lần	0,01063	0,00167
3.2	Tỷ suất LN/Tổng TS			
	Tỷ suất LN trước thuế/Tổng TS	Lần	0,00016	0,000157579
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	Lần	0,00013	0,000125007
3.3	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,00013	0,00012861

6. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.


Phạm Thị Na
Người lập biểu


Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Khang
Giám đốc
Ninh Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2019